

Chuẩn mực kế toán quốc tế 24. Công bố thông tin về bên liên quan

Vào tháng 4 năm 2001, Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế đã thông qua Chuẩn mực kế toán quốc tế số 24 (CMKTQT 24) Công bố thông tin về bên liên quan, được Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Quốc tế ban hành lần đầu vào tháng 7 năm 1984.

Vào tháng 12 năm 2003, Hội đồng CMKTQT đã ban hành CMKTQT 24 sửa đổi như là một phần trong chương trình nghị sự ban đầu của các dự án kỹ thuật bao gồm sửa đổi công bố về quyền lợi của quản lý và công bố thông tin về bên liên quan trong báo cáo tài chính riêng. Hội đồng đã sửa đổi CMKTQT 24 một lần nữa để giải quyết các vấn đề về công bố thông tin trong các đơn vị liên quan đến chính phủ.

Vào tháng 11 năm 2009, Hội đồng đã ban hành CMKTQT 24 sửa đổi để đơn giản hóa định nghĩa của "bên liên quan" và quy định miễn công bố cho một số đơn vị liên quan đến chính phủ.

Việc sửa đổi một số chuẩn mực có ảnh hưởng nhỏ đến CMKTQT 24. Chúng bao gồm CMBCTCQT 10 - Báo cáo tài chính hợp nhất (ban hành tháng 5 năm 2011), CMBCTCQT 11 - Thỏa thuận chung (ban hành tháng 5 năm 2011), CMBCTCQT 12 - Công bố quyền lợi ở các đơn vị khác (ban hành tháng 5 năm 2011), CMKTQT 19 - Lợi ích của người lao động (ban hành tháng 6 năm 2011), Đơn vị quản lý quỹ đầu tư (Sửa đổi cho các CMBCTCQT 10, CMBCTCQT 12 và CMKTQT 27) (ban hành tháng 10 năm 2012) và các cải tiến hàng năm cho chu kỳ CMBCTCQT 2010-2012 (ban hành tháng 12 năm 2013).

Nội dung

Chuẩn mực kế toán quốc tế 24. Công bố thông tin về bên liên quan

	Từ đoạn
Mục tiêu	1
Phạm vi	2
Mục đích của công bố thông tin về bên liên quan	5
Định nghĩa	9
Công bố	13
Tất cả các đơn vị	13
Đơn vị liên quan đến chính phủ	25
Ngày hiệu lực và chuyển đổi	28
Thay thế CMKTQT 24 (2003)	29
Phụ lục	
Sửa đổi CMBCTCQT 8 - Bộ phận kinh doanh	
Phê duyệt của Hội đồng cho CMKTQT 24 phát hành tháng 11 năm 2009	
Đối với hướng được dẫn liệt kê dưới đây, xem phần B của phiên bản này	
Ví dụ minh họa	
Bảng phù hợp	
Đối với cơ sở kết luận, xem phần C của phiên bản này	
Các cơ sở cho các kết luận	
Phụ lục các cơ sở cho các kết luận	
Sửa đổi các cơ sở cho các kết luận về CMKTQT 19 – Lợi ích của người lao động	
Các ý kiến bất đồng	

Chuẩn mực kế toán quốc tế 24 - *Công bố thông tin về bên liên quan* (CMKTQT 24) được nêu trong các đoạn 1-29 và Phụ lục. Tất cả các đoạn đều có thẩm quyền như nhau nhưng vẫn giữ định dạng của Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc

tế (IASC) của Chuẩn mực khi được Hội đồng chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB) thông qua. CMKTQT 24 nên được đọc trong bối cảnh mục tiêu và cơ sở cho các kết luận của nó, Lời nói đầu cho các CMBCTCQT và Khung khái niệm cho báo cáo tài chính. CMKTQT 8 - *Chính sách kế toán, các thay đổi trong ước tính và sai sót kế toán* cung cấp cơ sở để lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán trong trường hợp không có hướng dẫn rõ ràng.

Chuẩn mực kế toán quốc tế 24 - Công bố thông tin về bên liên quan

Mục tiêu

1 Mục tiêu của Chuẩn mực này là đảm bảo rằng báo cáo tài chính của một đơn vị có chứa các công bố cần thiết để thu hút sự chú ý đến khả năng tình hình tài chính và lãi hoặc lỗ của nó có thể bị ảnh hưởng bởi sự tồn tại của các bên liên quan và bởi các giao dịch và các khoản chưa thanh toán, bao gồm các cam kết, với các bên liên quan.

Phạm vi

2 Chuẩn mực này sẽ được áp dụng để:

- (a) xác định các mối quan hệ và giao dịch với bên liên quan;
- (b) xác định các khoản chưa thanh toán, bao gồm các cam kết, giữa một đơn vị và các bên liên quan;
- (c) xác định các trường hợp trong đó việc công bố các mục trong (a) và (b) là bắt buộc; và
- (d) xác định các công bố sẽ được thực hiện về các mục đó.

3 Chuẩn mực này yêu cầu công bố các mối quan hệ, giao dịch và các khoản chưa thanh toán của các bên liên quan, bao gồm các cam kết, trong báo cáo tài

chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ hoặc nhà đầu tư có quyền đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến một công ty được (nhận) đầu tư được trình bày theo CMBCTCQT 10 - Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc CMKTQT 27 - Báo cáo tài chính riêng. Chuẩn mực này cũng áp dụng cho báo cáo tài chính cá nhân.

4 Các giao dịch với bên liên quan và các khoản chưa thanh toán với các đơn vị khác trong một nhóm được công bố trong báo cáo tài chính của một đơn vị. Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm, các giao dịch nội bộ trong nhóm giữa các bên liên quan và các các khoản chưa thanh toán giữa các bên được loại trừ, ngoại trừ các giao dịch giữa đơn vị quản lý quỹ đầu tư và các công ty con được đo lường theo giá trị hợp lý thông qua lãi hoặc lỗ.

Mục đích của công bố thông tin về bên liên quan

5 Các mối quan hệ giữa các bên liên quan là một tính năng bình thường của thương mại và kinh doanh. Ví dụ, các đơn vị thường xuyên thực hiện các phần hoạt động của mình thông qua các công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết. Trong những trường hợp đó, đơn vị có khả năng ảnh hưởng đến các chính sách tài chính và kinh doanh của người được đầu tư thông qua sự hiện diện của kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể.

6 Một mối quan hệ của bên liên quan có thể có ảnh hưởng đến lợi nhuận hoặc lỗ và tình hình tài chính của một đơn vị. Các bên liên quan có thể tham gia vào các giao dịch mà các bên không liên quan sẽ không tham gia. Ví dụ: một đơn vị bán hàng hóa cho công ty mẹ của mình với giá bán có thể khác giá bán cho một khách hàng khác với cùng các điều khoản. Ngoài ra, các giao dịch giữa các bên liên quan có thể không được thực hiện cùng số tiền như với các bên không liên quan.

7 Lợi nhuận hoặc lỗ và tình hình tài chính của một đơn vị có thể bị ảnh hưởng bởi mối quan hệ của bên liên quan ngay cả khi các giao dịch giữa các bên liên quan không xảy ra. Sự tồn tại của mối quan hệ có thể đủ để ảnh hưởng đến các giao dịch của đơn vị với các bên khác. Ví dụ, một công ty con có thể chấm dứt quan hệ với một đối tác thương mại do công ty mẹ của một công ty con cùng tham gia hoạt động tương tự như một đối tác thương mại trước đây. Ngoài ra, một bên có thể không hành động vì ảnh hưởng đáng kể của một tổ chức khác, chẳng hạn, một công ty con có thể được công ty mẹ của mình hướng dẫn không tham gia vào nghiên cứu và phát triển.

8 Vì những lý do này, kiến thức về các giao dịch của một đơn vị, các khoản chưa thanh toán, bao gồm các cam kết và mối quan hệ với các bên liên quan có thể ảnh hưởng đến việc người sử dụng báo cáo tài chính đánh giá hoạt động của một công ty, bao gồm các đánh giá về rủi ro và cơ hội mà đơn vị phải đối mặt.

Các định nghĩa

9 Các thuật ngữ sau được sử dụng trong Chuẩn mực này với các nghĩa được xác định:

Một bên liên quan là một cá nhân hoặc tổ chức có liên quan đến đơn vị đang lập báo cáo tài chính (trong Chuẩn mực này được gọi là "đơn vị báo cáo").

(a) Một người hoặc một thành viên thân thiết trong gia đình của người đó có liên quan đến một đơn vị báo cáo nếu người đó:

(i) có quyền kiểm soát hoặc chung quyền kiểm soát đơn vị báo cáo;

(ii) có ảnh hưởng đáng kể đến đơn vị báo cáo; hoặc

(Iii) là thành viên của nhân viên quản lý chủ chốt của đơn vị báo cáo hoặc công ty mẹ của đơn vị báo cáo.

(b) Một đơn vị có liên quan đến một đơn vị báo cáo nếu áp dụng bất kỳ điều kiện nào sau đây:

(i) Đơn vị và đơn vị báo cáo là thành viên của cùng một nhóm (có nghĩa là mỗi công ty mẹ, công ty con và công ty cháu có liên quan đến những công ty khác).

(ii) Một đơn vị là một công ty liên kết hoặc liên doanh của một đơn vị khác (hoặc một công ty liên kết hoặc liên doanh của một đơn vị là thành viên trong một nhóm).

(Iii) Cả hai đơn vị đều là liên doanh của cùng một bên thứ ba.

(iv) Một đơn vị là một công ty liên doanh của một đơn vị thứ ba và đơn vị kia là một công ty liên kết của đơn vị thứ ba.

(v) Đơn vị là một quỹ phúc lợi sau khi nghỉ việc cho lợi ích của người lao động của đơn vị báo cáo hoặc đơn vị liên quan đến đơn vị báo cáo. Nếu bản thân đơn vị báo cáo là một quỹ như vậy, thì các nhà tuyển dụng tài trợ cũng có liên quan đến đơn vị báo cáo.

(vi) Đơn vị được kiểm soát hoặc đồng kiểm soát bởi một người được xác định trong (a).

(vii) Một người được xác định trong (a) (i) có ảnh hưởng đáng kể đến đơn vị hoặc là thành viên của nhân viên quản lý chủ chốt của đơn vị (hoặc của công ty mẹ của đơn vị).

(viii) Đơn vị hoặc bất kỳ thành viên nào trong nhóm mà nó là thành viên, cung cấp các dịch vụ nhân sự quản lý chủ chốt cho đơn vị báo cáo hoặc cho công ty mẹ của đơn vị báo cáo.

Một giao dịch với bên liên quan là một sự chuyển giao các nguồn lực, dịch vụ hoặc nghĩa vụ giữa một đơn vị báo cáo và một bên liên quan, bất kể giá được tính như thế nào.

Các thành viên thân thiết trong gia đình của một cá nhân là những thành viên trong gia đình có thể sẽ ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng của người đó trong các giao dịch của họ với một đơn vị và bao gồm:

- (a) con cái và vợ / chồng hoặc đối tác trong nước của người đó;
- (b) con cái của người phối ngẫu hoặc đối tác trong nước của người đó; và
- (c) người phụ thuộc của người đó hoặc của người phối ngẫu hoặc đối tác trong nước của người đó.

Quyền lợi của người lao động bao gồm tất cả các lợi ích của người lao động (như được định nghĩa trong CMKTQT 19 - Lợi ích của người lao động) bao

gồm các lợi ích của người lao động được áp dụng trong CMBCTCQT 2 - Thanh toán dựa trên cổ phần. Lợi ích của người lao động là tất cả các hình thức đã trả, phải trả hoặc được cung cấp bởi đơn vị hoặc nhân danh đơn vị, để đổi lấy các dịch vụ đã cung cấp cho đơn vị. Nó cũng bao gồm việc đã thanh toán thay cho công ty mẹ của đơn vị đó. Quyền lợi của người lao động bao gồm:

- (a) quyền lợi ngắn hạn của nhân viên, như tiền lương và các khoản đóng góp an sinh xã hội, nghỉ phép và nghỉ ốm hàng năm, chia sẻ lợi nhuận và tiền thưởng (nếu phải trả trong vòng mười hai tháng kể từ khi kết thúc năm) và các quyền lợi phi tiền tệ (như chăm sóc y tế, nhà ở, xe hơi và hàng hóa hoặc dịch vụ hoặc trợ cấp miễn phí) cho người lao động đang làm việc;
- (b) quyền lợi sau khi nghỉ việc như lương hưu, trợ cấp hưu trí khác, bảo hiểm nhân thọ và chăm sóc y tế sau khi nghỉ việc;
- (c) quyền lợi dài hạn khác của nhân viên, bao gồm nghỉ phép dài hạn, nghỉ lễ hoặc quyền lợi dài hạn khác, trợ cấp tàn tật dài hạn, nếu chúng không được thanh toán toàn bộ trong vòng mười hai tháng sau khi kết thúc năm, lợi nhuận được chia, tiền thưởng và quyền lợi hoãn lại của người lao động;
- (d) quyền lợi khi nghỉ việc; và
- (e) thanh toán dựa trên cổ phần.

Nhân viên quản lý chủ chốt là những người trực tiếp hoặc gián tiếp có thẩm quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát các hoạt động của đơn vị, bao gồm bất kỳ giám đốc nào (có thể là giám đốc điều hành hay giám đốc khác) của đơn vị đó.

Chính phủ đề cập đến chính phủ, các cơ quan chính phủ và các cơ quan tương tự của địa phương, quốc gia hoặc quốc tế.

Một đơn vị liên quan đến chính phủ là một đơn vị được kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể của chính phủ.

Các thuật ngữ "kiểm soát" và "đơn vị quản lý quỹ đầu tư", "đồng kiểm soát" và "ảnh hưởng đáng kể" được định nghĩa tương ứng trong các CMBCTCQT 10, 11 - *Thỏa thuận chung* và CMKTQT 28 - *Đầu tư vào công ty liên kết và liên doanh* và được sử dụng trong Chuẩn mực này với nghĩa được chỉ định trong những CMBCTCQT đó.

10 Trong việc xem xét từng mối quan hệ của bên liên quan có thể, sự chú ý hướng đến bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ đơn thuần là hình thức pháp lý.

11 Trong bối cảnh của Chuẩn mực này, các bên sau đây là không liên quan:

(a) hai đơn vị, đơn giản là vì thông thường chúng có một giám đốc hoặc thành viên khác của nhân viên quản lý chủ chốt hoặc là vì một thành viên của nhân viên quản lý chủ chốt của một đơn vị có ảnh hưởng đáng kể đến đơn vị kia.

(b) hai liên doanh, đơn giản vì họ chia sẻ quyền đồng kiểm soát một liên doanh.

(c) (i) bên cung cấp tài chính,

(ii) công đoàn,

(iii) các tiện ích công cộng và

(iv) các cơ quan chính phủ không kiểm soát, không đồng kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đến đơn vị báo cáo,

chỉ đơn giản là nhờ các giao dịch thông thường của họ với một đơn vị (mặc dù họ có thể ảnh hưởng đến quyền tự do hành động của một đơn vị hoặc tham gia vào quá trình ra quyết định của đơn vị đó).

(d) một khách hàng, một nhà cung cấp, một công ty nhượng quyền thương mại, một nhà phân phối hoặc một tổng đại lý mà một đơn vị có giao dịch kinh doanh một khối lượng đáng kể, chỉ đơn giản là sự phụ thuộc kinh tế.

12 Trong định nghĩa về một bên liên quan, một công ty liên kết bao gồm các công ty con của công ty liên kết và một công ty liên doanh bao gồm các công ty con của công ty liên doanh. Do đó, công ty con của công ty liên kết và nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể đến công ty liên kết có liên quan với nhau.

Công bố

Tất cả các đơn vị

13 Mỗi quan hệ giữa công ty mẹ và các công ty con sẽ được công bố bất kể đã có giao dịch giữa chúng hay chưa. Một đơn vị sẽ công bố tên của công ty mẹ của nó hoặc bên kiểm soát cuối cùng, nếu có. Nếu cả công ty mẹ của đơn vị và bên kiểm soát cuối cùng không đưa ra báo cáo tài chính hợp nhất để công khai cho công chúng, tên của công ty mẹ cấp cao tiếp theo cũng phải được công bố.

14 Để cho phép người sử dụng báo cáo tài chính hình thành quan điểm về tác động của các mối quan hệ của các bên liên quan đến một đơn vị, nên công bố mối quan hệ của bên liên quan khi tồn tại sự kiểm soát, bất kể đã có giao dịch giữa các bên liên quan hay chưa.

15 Yêu cầu công bố mối quan hệ của các bên liên quan giữa công ty mẹ và các công ty con ngoài các yêu cầu công bố trong CMKTQT 27 và CMBCTCQT 12 - *Công bố lợi ích trong các đơn vị khác*.

16 Đoạn 13 đề cập đến công ty mẹ cấp cao tiếp theo. Đây là công ty mẹ đầu tiên trong nhóm các công ty trên công ty mẹ trực tiếp lập báo cáo tài chính hợp nhất cho công chúng sử dụng.

17 Một đơn vị sẽ công bố tổng số quyền lợi của nhân viên quản lý chủ chốt và theo từng loại sau:

- (a) quyền lợi ngắn hạn của nhân viên;
- (b) quyền lợi sau khi nghỉ việc;
- (c) quyền lợi dài hạn khác;
- (d) quyền lợi khi nghỉ việc; và
- (e) thanh toán dựa trên cổ phần.

17A Nếu một đơn vị có được các dịch vụ nhân sự quản lý chủ chốt từ một đơn vị khác ("đơn vị quản lý"), thì đơn vị đó không bắt buộc phải áp dụng các yêu cầu trong đoạn 17 về quyền lợi của người lao động mà đơn vị quản lý đã trả hoặc phải trả cho giám đốc hoặc nhân viên quản lý của "đơn vị quản lý".

18 Nếu một đơn vị có các giao dịch với bên liên quan trong các kỳ lập báo cáo tài chính, thì sẽ phải công bố bản chất của mối quan hệ với bên liên quan cũng như thông tin về các giao dịch này và các khoản chưa thanh toán, bao gồm các cam kết, cần thiết để người dùng hiểu được tác động tiềm năng của mối quan hệ này đến báo cáo tài chính. Các yêu cầu công bố này bổ sung cho các yêu cầu trong đoạn 17. Tối thiểu, các công bố sẽ bao gồm:

- (a) số lượng giao dịch;
- (b) số dư các khoản nợ phải trả, bao gồm các cam kết và:
 - (i) các điều khoản và điều kiện của chúng, bao gồm cả nợ có bảo đảm hay không, và bản chất của chúng sẽ được xem xét trong thanh toán; và
 - (ii) chi tiết của bất kỳ sự đảm bảo nào được cung cấp hoặc nhận được;
- (c) dự phòng cho các khoản nợ xấu liên quan đến số dư nợ; và
- (d) chi phí được ghi nhận trong kỳ đối với các khoản nợ xấu từ các bên liên quan.

18A Phải công bố số tiền mà đơn vị phải chịu để được cung cấp dịch vụ nhân sự quản lý chủ chốt của một đơn vị quản lý riêng biệt.

19 Việc công bố theo yêu cầu của đoạn 18 sẽ được thực hiện riêng biệt cho từng loại sau:

- (a) công ty mẹ;
- (b) các đơn vị đồng kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đối với đơn vị đó;
- (c) các công ty con;
- (d) các công ty liên kết;
- (e) các công ty liên doanh trong đó đơn vị là một bên liên doanh;
- (f) nhân viên quản lý chủ chốt của đơn vị hoặc của công ty mẹ của nó; và
- (g) các bên liên quan khác.

20 Việc phân loại các khoản phải trả và các khoản phải thu từ các bên liên quan thành các loại khác nhau theo yêu cầu trong đoạn 19 là phần mở rộng của yêu cầu công bố thông tin theo yêu cầu của CMKTQT 1 – Trình bày báo cáo tài chính để thông tin được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hoặc trong Thuyết minh báo cáo tài chính. Các danh mục được mở rộng để cung cấp phân tích toàn diện hơn về số dư của bên liên quan và áp dụng cho các giao dịch với bên liên quan.

21 Sau đây là các ví dụ về các giao dịch được công bố nếu chúng thuộc một bên liên quan:

- (a) mua hoặc bán hàng hóa (thành phẩm hoặc bán thành phẩm);
- (b) mua hoặc bán bất động sản và các tài sản khác;
- (c) cung cấp hoặc nhận dịch vụ;
- (d) cho thuê tài chính;
- (e) chuyển giao kết quả nghiên cứu và phát triển;
- (f) chuyển nhượng theo thỏa thuận được cấp phép;
- (g) chuyển nhượng theo thỏa thuận tài chính (bao gồm các khoản vay và góp vốn bằng tiền hoặc hiện vật);
- (h) cung cấp bảo lãnh hoặc tài sản thế chấp;
- (i) các cam kết thực hiện điều gì đó nếu một sự kiện cụ thể xảy ra hoặc không xảy ra trong tương lai, bao gồm các hợp đồng thực thi¹ (được ghi nhận và không được ghi nhận); và
- (j) thanh toán nợ của đơn vị hoặc trả nợ thay cho bên liên quan đó.

¹ CMKTQT 37 – *Dự phòng, Nợ tiềm tàng và Tài sản tiềm tàng* định nghĩa hợp đồng thực thi là những hợp đồng mà không bên nào thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của mình hoặc cả hai bên đã thực hiện một phần nghĩa vụ của mình ở một mức độ như nhau.

22 Sự tham gia của công ty mẹ hoặc công ty con vào một quỹ phúc lợi với mức phúc lợi xác định để chia sẻ rủi ro giữa các đơn vị trong nhóm là một giao dịch giữa các bên liên quan (xem đoạn 42 của CMKTQT 19 (sửa đổi năm 2011)).

23 Công bố rằng các giao dịch với bên liên quan được thực hiện theo các điều khoản tương đương với các điều khoản có lợi thế trong các giao dịch mua bán ngoài chỉ được thực hiện nếu có bằng chứng chứng minh cho các điều khoản này.

24 Các mục có bản chất tương tự có thể được công bố chung trừ khi cần công bố riêng để hiểu về tác động của các giao dịch với bên liên quan đến báo cáo tài chính của đơn vị.

Đơn vị liên quan đến chính phủ

25 Một đơn vị báo cáo được miễn trừ các yêu cầu công bố của đoạn 18 liên quan đến các giao dịch với bên liên quan và các khoản chưa thanh toán, bao gồm các cam kết, với:

- (a) một cơ quan chính phủ có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đến đơn vị báo cáo; và
- (b) một đơn vị khác là một bên liên quan vì cùng một cơ quan chính phủ có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đến cả đơn vị báo cáo và một đơn vị khác.

26 Nếu một đơn vị báo cáo áp dụng điều khoản miễn trừ trong đoạn 25, nó sẽ phải công bố về các giao dịch và các khoản chưa thanh toán liên quan sau đây được đề cập trong đoạn 25:

(a) tên của cơ quan chính phủ và bản chất của mối quan hệ của nó với đơn vị báo cáo (nghĩa là kiểm soát, đồng kiểm soát hay ảnh hưởng đáng kể);

(b) các thông tin sau đây phải đủ chi tiết để cho phép người dùng báo cáo tài chính của đơn vị hiểu được ảnh hưởng của các giao dịch với bên liên quan đến báo cáo tài chính của nó:

(i) bản chất và số tiền của từng giao dịch đáng kể; và

(ii) đối với các giao dịch khác được tính chung, nhưng không riêng biệt, đáng kể, là một chỉ dẫn định tính hoặc định lượng về mức độ của chúng. Các loại giao dịch này bao gồm những loại được liệt kê trong đoạn 21.

27 Khi sử dụng phán quyết để xác định mức độ chi tiết được công bố theo các yêu cầu của đoạn 26 (b), đơn vị báo cáo sẽ xem xét sự gần gũi của mối quan hệ của bên liên quan và các yếu tố khác có liên quan trong việc thiết lập mức độ quan trọng của giao dịch chẳng hạn như:

(a) có ý nghĩa về quy mô;

(b) thực hiện theo các điều khoản phi thị trường;

- (c) ngoài hoạt động kinh doanh thông thường hàng ngày, chẳng hạn như mua bán doanh nghiệp;
- (d) công bố cho cơ quan quản lý hoặc giám sát có thẩm quyền;
- (e) báo cáo cho quản lý cấp cao;
- (f) phải được sự chấp thuận của cổ đông.

Ngày có hiệu lực và chuyển đổi

28 Một đơn vị sẽ áp dụng hồi tố Chuẩn mực này cho các kỳ kế toán năm bắt đầu hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Cho phép áp dụng trước đó toàn bộ Chuẩn mực hoặc miễn trừ một phần trong các đoạn 25-27 cho các đơn vị liên quan đến chính phủ. Nếu một đơn vị áp dụng toàn bộ Chuẩn mực hoặc miễn trừ một phần cho kỳ kế toán trước ngày 1 tháng 1 năm 2011, thì nó sẽ công bố thực tế đó.

28A CMBCTCQT 10, 11 – Thỏa thuận chung và CMBCTCQT 12 ban hành tháng 5 năm 2011, các đoạn điều chỉnh 3, 9, 11 (b), 15, 19 (b) và (e) và 25. Một đơn vị được áp dụng những sửa đổi khi nó áp dụng CMBCTCQT 10, 11 và 12.

28B *Các đơn vị quản lý quỹ đầu tư* (Sửa đổi cho các CMBCTCQT 10, 12 và CMKTQT 27), ban hành tháng 10 năm 2012, sửa đổi đoạn 4 và 9. Một đơn vị sẽ áp dụng những sửa đổi đó cho các kỳ kế toán năm bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2014. Cho phép áp dụng sớm hơn (phần) *Các đơn vị quản lý quỹ đầu tư*. Nếu một đơn vị áp dụng sớm hơn những sửa đổi đó thì nó cũng sẽ áp dụng đồng thời tất cả các sửa đổi có trong Đơn vị quản lý quỹ đầu tư.

28C Các cải tiến hàng năm cho chu kỳ CMBCTCQT 2010-2012, được ban hành vào tháng 12 năm 2013, sửa đổi đoạn 9 và thêm đoạn 17A và 18A. Một đơn vị sẽ áp dụng sửa đổi cho các kỳ kế toán năm bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 7 năm 2014. Cho phép áp dụng sớm hơn. Nếu một đơn vị áp dụng sửa đổi này cho kỳ kế toán sớm hơn, nó sẽ phải công bố thực tế đó.

Thay thế CMKTQT 24 (2003)

29 Chuẩn mực này thay thế CMKTQT 24 - Công bố thông tin về bên liên quan (được sửa đổi năm 2003).

Phụ lục

Sửa đổi CMBCTCQT 8 - *Bộ phận kinh doanh*

Sửa đổi có trong phụ lục này khi Chuẩn mực này được ban hành năm 2009 đã được đưa vào CMBCTCQT 8 như được công bố trong tập này.

Phê duyệt của Hội đồng CMKTQT 24 ban hành vào tháng 11 năm 2009

Chuẩn mực kế toán quốc tế 24 Công bố thông tin về bên liên quan (sửa đổi năm 2009) đã được mười ba trong số mười lăm thành viên của Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế phê duyệt để ban hành. Ông Garnett bất đồng quan điểm. Ý kiến không đồng tình của ông được đưa ra dựa vào Cơ sở để kết luận. Bà McConnell đã từ chối bỏ phiếu vì mới được bổ nhiệm vào Hội đồng.

Ngài David Tweedie

Chủ tịch

Stephen Cooper

Philippe Danjou

Jan Engstrom

Patrick Finnegan

Robert P Garnett

Gilbert Gelard

Amaro Luiz de Oliveira Gomes

Prabhakar Kalavacherla

James J Leisenring

Patricia McConnell

Warren J McGregor

John T Smith

Tatsumi Yamada

Wei-Guo Zhang